TÁI CẤU TRÚC VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM: VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ

Võ Thế Anh[1], Võ Hồng Đức[1,2], Đinh Thị Huyền Cơ[1], Trần Phú Ngọc[1*]

[1] Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Trường Đại học Tây Úc, Úc

[*] Tác giả liên hệ: Email: tranphungoc91@mail.com

Ngày nhận bài: 01/01/2024 Ngày chấp nhận: 25/03/2024 Ngày đăng: 25/04/2024

DOI: 10.52932/jfm.vi3.475

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Tổng hợp các nghiên cứu trước

TT	Tác giả	Quốc gia	Mẫu nghiên cứu	Nội dung	Kết quả
1	Tran và cộng sự (2024)	Việt Nam	118 doanh nghiệp	Chuyển đổi số và tái cấu trúc doanh nghiệp	Ảnh hưởng tiêu cực
2	Liu và cộng sự (2023)	Trung Quốc	300 doanh nghiệp	Chuyển đổi số - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tích cực
3	Zhang và cộng sự (2023)	Trung Quốc	93 doanh nghiệp	Chuyển đổi số - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dưới vai trò điều tiết của vốn trí tuệ	Ảnh hưởng tiêu cực
4	Heredia và cộng sự (2022)	27 quốc gia	999 doanh nghiệp	Chuyển đổi số - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dưới vai trò điều tiết của năng lực công nghệ	Ảnh hưởng tích cực
5	Sousa-Zomer và cộng sự (2020)	Mỹ	427 doanh nghiệp	Chuyển đổi số - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tích cực
6	Vinocur và cộng sự (2023)	Nhiều quốc gia	564 doanh nghiệp	Tái cấu trúc - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tích cực
7	Amano (2022)	Nhật Bản	228 doanh nghiệp	Tái cấu trúc - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tiêu cực
8	Anwar và Shah, (2021)	Pakistan	373 doanh nghiệp vừa và nhỏ	Năng lực đổi mới - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tích cực
9	Hu và cộng sự (2021)	Trung Quốc	750 doanh nghiệp	Tái cấu trúc - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tích cực
10	Liao (2005)	Mỹ	107 doanh nghiệp sản xuất	Tái cấu trúc - hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Ảnh hưởng tiêu cực

Phụ lục 2. Thống kê mô tả

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
ROE	716	0,1434	0,1417	0,0000	1,8476
DT	722	3,2533	1,2923	0,0000	6,0000
FR	710	-0,0331	0,7936	-13,2829	2,8169
PR	708	0,0006	0,0583	-0,6967	0,8231
OR	698	0,3273	7,1607	-70,5260	125,0123
SIZE	714	8,0415	1,5864	4,4067	20,8274
AGE	722	2,7768	0,6071	0,6931	4,2046

Ghi chú: **ROE**: lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; **DT**: chuyển đổi số; **FR**: tái cấu trúc tài chính; **PR** tái cấu trúc danh mục đầu tư; **OR** tái cấu trúc hoạt động; **SIZE** logarith tự nhiên tổng tài sản; **AGE** logarith số năm hoạt động.

Phụ lục 3. Ma trận tương quan

Variable	ROE	DT	FR	PR	OR	SIZE	AGE
ROA	1,0000						
DT	-0,0523*	1,0000					
FR	-0,0069	0,0259	1,0000				
PR	-0,0026	-0,0053	-0,0608	1,0000			
OR	-0,0120	-0,0130	0,0120	0,0092	1,0000		
SIZE	0,0488*	-0,1094***	0,0119	-0,0229	0,0073	1,0000	
AGE	0,0361	0,0115	0,0801**	0,0568	-0,0029	0,1470***	1,0000

Ghi chú: *p<0,10; **p<0,05; ***p<0,01

ROE: lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; **DT**: chuyển đổi số; **FR**: tái cấu trúc tài chính; **PR** tái cấu trúc danh mục đầu tư; **OR** tái cấu trúc hoạt động; **SIZE** logarith tự nhiên tổng tài sản; **AGE** logarith số năm hoạt động.